

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI



**QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI

Quảng Ngãi, tháng 3 năm 2018

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 –
Số 14/NQ/QNS-ĐHĐCĐ ngày 31 tháng 03 năm 2018)*

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Căn cứ xây dựng Quy chế :

Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 tháng 2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng (Nghị định 71);

Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71;

Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty CP Đường Quảng Ngãi.

- Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Người điều hành khác.

- Làm cơ sở để triển khai các quy chế hoạt động, các quy định khác để quản lý trong Công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Các thuật ngữ đã được định nghĩa tại Điều lệ của Công ty thì mặc nhiên được hiểu và áp dụng tương tự trong Quy chế này. Các thuật ngữ được định nghĩa và từ viết tắt dưới đây được hiểu như sau:

a. “*Quản trị Công ty*” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan đến công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của Công ty;
- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả.

b. “*Điều lệ Công ty*” là Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Đường Quảng Ngãi, bao gồm mọi nội dung, văn bản của Điều Lệ được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua hợp lệ.

c. “*ĐHĐCĐ*” là Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Đường Quảng Ngãi

d. “*HDQT*” là Hội đồng quản trị Công ty CP Đường Quảng Ngãi

e. “*Ban Tổng Giám đốc*” bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản của Điều lệ hoặc văn bản pháp luật, bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền xác minh tính chính xác của thông tin trên sổ đăng ký cổ đông về chính bản thân họ và số cổ phần mà họ nắm giữ. Cổ đông có quyền yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHCĐ theo quy định tại Điều 12 của Điều lệ Công ty.

4. HDQT có thể bổ sung hoặc thay đổi danh sách cổ đông sau ngày đăng ký cuối cùng cho mục đích sửa chữa những sai sót liên quan đến thông tin cổ đông.

Điều 4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

1. HDQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty.

2. Trình tự, thủ tục triệu tập và điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 18 và Điều 19 Điều lệ Công ty.

Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông.

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Để công tác tổ chức Đại hội được thuận lợi, Công ty sẽ thông báo cho cổ đông xác nhận trước việc tham dự bằng cách gửi Phiếu đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông đến Công ty bằng một trong các hình thức sau: Fax, email, hoặc đăng ký trực tiếp với Hội đồng quản trị Công ty.

3. Trường hợp cổ đông không thể tham dự trực tiếp thì có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty. Người được ủy quyền không được ủy quyền cho người thứ ba.

4. Việc đăng ký tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 20 của Điều lệ Công ty. Cổ đông khi tham dự Đại hội mang theo CMND/Căn cước công dân hoặc hộ chiếu (bản chính) để xuất trình khi đăng ký.

Điều 6. Cách thức bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

3. Hình thức và cách thức sử dụng Thẻ biểu quyết được qui định cụ thể trong Qui chế làm việc của Đại hội. Qui chế làm việc của Đại Hội đồng cổ đông sẽ được đại biểu cổ đông biểu quyết thông qua trước khi tiến hành Đại hội.

Điều 7. Cách thức kiểm phiếu

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 21 Điều Lệ Công ty, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ **51%** trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Thông qua báo cáo tài chính năm;

- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
- c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ **65%** trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại ĐHQĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.

Điều 9. Cách thức phản đối Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 10. Lập biên bản họp và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 11. Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG III

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật này;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

Điều 13. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;

từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;

từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;

từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;

từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;

từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;

và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Điều 14. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc bầu cử thành viên HĐQT tại ĐHCĐ được tiến hành theo nguyên tắc bầu dồn phiếu, trong đó cổ đông có quyền sử dụng tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một ứng cử viên, hoặc một số ứng cử viên với số lượng bầu cho mỗi ứng cử viên không bắt buộc phải bằng nhau; hoặc chỉ bầu một phần tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên, phần phiếu biểu quyết còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào, tùy thuộc vào sự tín nhiệm đối với ứng cử viên đó. Số lượng ứng cử viên được bầu trong mỗi phiếu không được vượt quá số lượng tối đa được phép bầu.

Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong

số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 15. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm theo quy định tại Khoản 1 Điều 156 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

4. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo và công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 16. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

CHƯƠNG IV

TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 17. Thông báo họp Hội đồng quản trị

Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

Điều 18. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 19. Cách thức biểu quyết

1. Trừ quy định tại điểm 2 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều 30 Điều lệ Công ty trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

3. Theo quy định tại điểm 4 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

4. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

5. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 20. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 21. Ghi Biên bản họp Hội đồng quản trị

Biên bản họp Hội đồng quản trị phải ghi đầy đủ, rõ ràng, trung thực.

Điều 22. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị

Nghị quyết của Hội đồng quản trị phải được gửi đến các bên liên quan theo qui định tại Điều lệ Công ty.

Việc công bố thông tin các nghị quyết Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG V

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 23. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Điều 24. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên :

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;

từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;

từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;

từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;

từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;

từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;

và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 25. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Việc bầu cử Kiểm soát viên tại ĐHCĐ được tiến hành theo nguyên tắc bầu dồn phiếu, trong đó cổ đông có quyền sử dụng tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một ứng cử viên, hoặc một số ứng cử viên với số lượng bầu cho mỗi ứng cử viên không bắt buộc phải bằng nhau; hoặc chỉ bầu một phần tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên, phần phiếu biểu quyết còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào, tùy thuộc vào sự tín nhiệm đối với ứng viên đó. Số lượng ứng viên được bầu trong mỗi phiếu không được vượt quá số lượng tối đa được phép bầu.

Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Kiểm soát viên thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 26. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Điều 27. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thông báo về bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VI

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 28. Các tiểu ban Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban

Hoạt động của các tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VII

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 30. Tiêu chuẩn của người điều hành công ty

1- Người điều hành Công ty là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty;

2- Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc :

+ Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh Nghiệp .

+ Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty

3- Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kế toán trưởng : theo qui định của các văn bản pháp luật liên quan.

4- Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

Điều 31. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành Công ty

1. Đối với Tổng giám đốc Công ty :

- HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Tổng giám đốc Công ty .

- Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc Công ty không quá **năm (05) năm** và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

- HĐQT có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

2. Đối với người điều hành khác: Tổng Giám đốc Công ty kiến nghị số lượng và người điều hành Công ty mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm.

Điều 32. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành Công ty

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành công ty phải được thông báo và công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 33. Các chức danh quản lý các Đơn vị thành viên và các phòng ban Công ty

1- Các chức danh quản lý các Đơn vị thành viên và các phòng ban Công ty gồm:

+ Chức danh quản lý Đơn vị thành viên: là Giám đốc các Đơn vị thành viên;

+ Chức danh quản lý phòng Ban Công ty: là Trưởng các phòng ban Công ty.

2- Tổng Giám đốc Công ty trình Hội đồng Quản trị phê chuẩn việc bổ nhiệm, miễn nhiệm trước khi Tổng Giám đốc Công ty quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với những người giữ chức danh quản lý các Đơn vị thành viên và các phòng Ban Công ty.

CHƯƠNG VII

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Điều 34. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

1- Tất cả các cuộc họp của HĐQT đều mời các thành viên Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty tham dự.

Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty cùng thời gian gửi đến các thành viên HĐQT.

Toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của HĐQT phải được cung cấp cho Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Việc triệu tập, thông báo mời họp, ghi chép biên bản, thông báo kết quả cuộc họp đối với các cuộc họp do HĐQT tổ chức được thực hiện theo qui định tại Điều lệ Công ty.

2. Khi cần thiết, Trưởng Ban kiểm soát có quyền yêu cầu một số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc tham gia cuộc họp của Ban kiểm soát để thảo luận về những vấn đề liên quan.

3. Khi cần thiết, Tổng giám đốc Công ty có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát tham gia các cuộc họp của Ban Tổng giám đốc.

4. Trường hợp các cuộc họp được triệu tập theo khoản 2 và khoản 3 Điều này:

+ Người triệu tập có trách nhiệm thông báo mời họp bằng văn bản.

+ Người phụ trách quản trị Công ty làm thư ký cuộc họp, có trách nhiệm ghi biên bản các cuộc họp. Tất cả ý kiến của các thành viên dự họp, kết luận của người chủ trì được thư ký cuộc họp ghi chép đầy đủ vào biên bản.

+ Thư ký cuộc họp đọc thông qua biên bản trước khi kết thúc cuộc họp, các thành viên dự họp có quyền có ý kiến nếu phát hiện nội dung không đúng theo tinh thần cuộc họp đã thống nhất.

+ Thư ký cuộc họp có trách nhiệm gửi thông báo kết quả cuộc họp bằng văn bản cho các thành viên liên quan.

Điều 35. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo định kỳ (Quý, 6 tháng, năm) và khi có yêu cầu.

2. Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu người điều hành Công ty báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Điều 36. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin được quy định tại Điều lệ Công ty. Ngoài ra, Tổng giám đốc phải báo cáo các vấn đề khác khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

2. Tổng Giám đốc gửi báo cáo bằng văn bản hoặc báo cáo các vấn đề trên trong các cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 37. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát viên và Ban Tổng giám đốc.

1. Ban kiểm soát có quyền và nghĩa vụ quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc chịu sự giám sát của Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ Công ty và phải tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát thực thi nhiệm vụ.

Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có trách nhiệm thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Công ty, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông; chịu trách nhiệm về những đánh giá và kết luận của mình.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho nhau làm việc theo đúng Điều lệ, quy chế Công ty.

4. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty không can thiệp vào công việc điều hành theo hệ thống chức năng, nhiệm vụ khác nhau của mỗi tổ chức.

5. Trong trường hợp cấp bách, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty có thể thông tin ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hay Trưởng Ban kiểm soát hay Ban Tổng Giám đốc hay cả ba thành phần để được giải quyết một cách hiệu quả.

CHƯƠNG VIII

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 38. Đối với thành viên Hội đồng quản trị

1. Đánh giá: HĐQT sẽ kiểm điểm đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên hàng năm, dựa theo chức năng nhiệm vụ do Điều lệ Công ty quy định và kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động của HĐQT.

2. Khen thưởng: Tùy theo thành tích từng cá nhân, HĐQT có quyền sử dụng quỹ Ban quản trị, quỹ khen thưởng của Công ty để chi cho các khoản thưởng và báo cáo trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Kỷ luật: Các thành viên HĐQT có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp đã được quy định trong Điều lệ Công ty và quy chế này.

Điều 39. Đối với Kiểm soát viên

1. Đánh giá: BKS sẽ kiểm điểm đánh giá kết quả hoạt động của mỗi Kiểm soát viên hàng năm, dựa theo chức năng nhiệm vụ do Điều lệ Công ty quy định và kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động của BKS.

2. Khen thưởng: Tùy theo thành tích từng cá nhân, Trưởng BKS đề nghị HĐQT thẩm định và quyết định sử dụng quỹ Ban quản trị, quỹ khen thưởng của Công ty để chi

cho các khoản thưởng đối với các Kiểm soát viên và báo cáo trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Kỷ luật: Các Kiểm soát viên có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp đã được quy định trong Điều lệ Công ty và quy chế này.

Điều 40. Đối với Tổng giám đốc

1. Đánh giá: HĐQT sẽ đánh giá phẩm chất, năng lực và kết quả điều hành hoạt động của Tổng giám đốc hàng năm, dựa trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và tham khảo ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc Công ty.

2. Khen thưởng: HĐQT sẽ quyết định khen thưởng cụ thể cho Tổng giám đốc theo chính sách đã thiết lập và thỏa thuận trước, HĐQT có quyền sử dụng quỹ Ban quản trị, quỹ khen thưởng của Công ty để chi các khoản thưởng cho Tổng giám đốc Công ty.

3. Kỷ luật: Tổng giám đốc Công ty có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp đã được quy định trong Điều lệ Công ty và quy chế này.

Điều 41. Đối với người điều hành khác :

1. Đánh giá: Việc đánh giá người điều hành khác được thực hiện hàng năm theo quy chế đánh giá chung.

2. Khen thưởng: HĐQT sẽ quyết định khen thưởng cụ thể mỗi người điều hành Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc và theo chính sách đã thiết lập. HĐQT có quyền sử dụng quỹ Ban quản trị, quỹ khen thưởng của Công ty để chi các khoản thưởng cho người điều hành khác.

3. Kỷ luật: Người điều hành Công ty có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp đã được quy định trong Điều lệ Công ty và quy chế này.

CHƯƠNG IX

LỰA CHỌN, BỎ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 42. Người phụ trách quản trị Công ty

1. HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Tiêu chuẩn, quyền và nghĩa vụ và việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty thực hiện theo quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty.

3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị Công ty phải được thông báo theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG X HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 43. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

1. Trong trường hợp những vấn đề khác không được đề cập trong Quy chế này sẽ được điều chỉnh theo Điều lệ Công ty, các quy định khác của Công ty và các quy định của pháp luật.

2. HĐQT chịu trách nhiệm đề xuất sửa đổi, bổ sung những nội dung Quy chế này khi có sự thay đổi trong quy định của pháp luật và nhu cầu quản trị của Công ty.

Điều 44. Hiệu lực áp dụng.

1. Quy chế này được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi nhất trí thông qua ngày **31** tháng **3** năm **2018** tại Trụ sở chính Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi.

2. Quy chế này được có hiệu lực kể từ ngày **31** tháng **3** năm **2018** và thay thế cho Quy chế quản trị nội bộ được ban hành theo quyết định số 62/QĐ/CPĐQN-HĐQT ngày 01/11/2013 của Hội đồng quản trị Công ty CP Đường Quảng Ngãi.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Võ Thành Đàng